

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày: 29/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lương Thanh Trung**

2. Bà **Lương Thị Kim Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Trinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1994 tại Đồng Tháp; HKTT và chỗ ở: Ấp 4, xã Phương T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Nguyễn Văn E, sinh năm: 1959 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963; Chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố nhưng cho tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** **Phạm Thị Ngọc H** - sinh ngày 08/02/2003 (có mặt), Địa chỉ: Ấp Hòa D, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người đại diện hợp pháp của bị hại:**

1/ **Trần Thị N** - sinh năm 1981 (có mặt);

2/ **Phạm Thành Ch** - sinh năm 1980 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa D, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:** Bà **Trần Hồng T** - Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Ngọc Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào đầu năm 2017, Nguyễn Ngọc Q có quen biết và nảy sinh tình cảm yêu thương với em Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 08/02/2003, ngụ ấp Hòa D, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25/11/2017, H bỏ nhà đi cùng với Q đến thuê phòng trọ số 17 nhà trọ Như H thuộc ấp Bình Nhứt, xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh để ngủ qua đêm. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày Q giao cấu với H lần thứ nhất. Sau đó, cả hai nằm ngủ. Đến rạng sáng ngày 26/11/2017, Q tiếp tục giao cấu với em H lần thứ hai. Sau đó, cả hai trả phòng. Q chở em H đến trại giữ ruộng của ông Nguyễn Văn T tại ấp 4, xã Gáo G, huyện Cao Lãnh để ở đến ngày 03/12/2017. Trong khoảng thời gian này, Q đã giao cấu với H thêm 04 lần nữa.

Ngày 03/12/2017, Q đưa H về nhà của Q để gặp gia đình, do thấy em H còn nhỏ nên gia đình Q đã điện thoại cho mẹ H là bà Trần Thị N biết để đến đón em H về nhà. Qua gang hỏi thì H đã thừa nhận có cùng với Q thực hiện hành vi giao cấu như trên. Đến ngày 06/12/2017, bà N đưa em H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lãnh để trình báo sự việc.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã thỏa thuận bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, được bà Trần Thị N và bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Khi hành vi bị phát hiện, Q đã đến Cơ quan Công an đầu thú, bị cáo có ông ngoại tham gia cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất.

Tại Bản giám định pháp y về tình dục số 99/TD-TTPY ngày 06/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp đã giám định cho em Phạm Thị Ngọc H có kết luận như sau:

- Âm hộ không tổn thương.
- Màng trinh dãn rộng, rách vị trí 11 giờ, 05 giờ, 06 giờ sát thành âm đạo, bờ tù không chảy máu.

Đối với ông Nguyễn Văn E là cha của Nguyễn Ngọc Q đã thay Q bồi thường cho gia đình em H. Hiện tại, ông E cũng không yêu cầu Q hoàn trả lại số tiền này.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKSHCL ngày 16/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Q về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh thay đổi quyết định truy tố đối với bị cáo Q và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115; điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q với mức án từ 02 đến 03 năm tù. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đề nghị tuyên như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại phát biểu quan

điểm thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản của tội danh và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, giữa bị cáo và bị hại, đại diện hợp pháp bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và phía bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 16/CT-VKSHCL ngày 16/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh là đúng với hành vi của bị cáo. Chính bị cáo đã nhiều lần giao cấu với Phạm Thị Ngọc H tại nhà trọ Như H thuộc ấp Bình N, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp và tại trại giữ ruộng của ông Nguyễn Văn T thuộc ấp 4, xã Gáo G, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Sự việc sau đó bị phát hiện nên bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, biên bản hiện trường xảy ra vụ việc, kết luận giám định pháp y về tình dục và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc Q đã cấu thành tội “Giao cấu với trẻ em”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do thời điểm phạm tội của bị cáo và thời điểm xét xử vụ án là thời điểm chuyển giao giữa Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật và căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội nên việc áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét hành vi của bị cáo, khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Bị cáo biết người bị hại còn nhỏ tuổi, ở lứa tuổi trẻ em, bởi vì bị hại sinh ngày 08/02/2003. Ở lứa tuổi này người bị hại cần có sự chăm sóc, giáo dục, quản lý tốt của gia đình và của cộng đồng xã hội. Bị cáo thừa biết hành vi giao cấu với trẻ em là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn thỏa mãn dục vọng thấp hèn mà bị cáo đã xem thường và bất chấp pháp luật, nên đã có hành vi giao cấu với em H một cách trái pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Lẽ ra, giữa bị cáo và em H có quan hệ trai gái yêu đương với nhau thì bị cáo phải có sự kiềm chế ham muốn, dục vọng của bản thân, giới hạn tình cảm yêu thương và không quan hệ tình dục với bạn gái mình để không dẫn đến con đường phạm tội một cách đáng tiếc như ngày hôm nay. Bị cáo đã lợi dụng vào sự nhẹ dạ và suy nghĩ chưa

chính chắn của bị hại để giao cấu với bị hại một cách trái pháp luật. Chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành. Bị cáo đã thực hiện không chỉ một lần mà nhiều lần giao cấu với bị hại H. Do đó, bị cáo còn phải chịu trách nhiệm với tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự 1999.

Chúng ta đều biết danh dự nhân phẩm và tiết hạnh của người phụ nữ và đặc biệt là đối với phụ nữ là trẻ em luôn được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, mọi hành vi xâm phạm đến đều phải kịp thời xử lý nghiêm minh. Do đó, cần phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để bị cáo có thời gian cải tạo, học tập trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội sau này; đồng thời, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu, bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất; Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã đến cơ quan có thẩm quyền đầu thú; Mặt khác, bị cáo đã cùng với gia đình thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả cho phía người bị hại xong. Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đồng thời bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như trên, xét thấy cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Không có nên không đặt vấn đề xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và truy tố, bị cáo và người bị hại cùng người đại diện hợp pháp của người bị hại đã thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả xong. Tại phiên tòa, người bị hại cùng người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt là có căn cứ nên chấp nhận. Về điều khoản của tội danh áp dụng đối với bị cáo, tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo Q là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, so sánh giữa Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 với Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì rõ ràng là Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có chế tài nặng hơn. Nên việc áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm

2009 là có lợi hơn cho bị cáo Q, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát đã khởi tố, truy tố bị cáo Q theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là chưa phù hợp, nên cần rút kinh nghiệm vấn đề này.

Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Trong quá trình điều tra, truy tố đã xác định ông Nguyễn Văn E là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên qua quá trình xét xử tại phiên tòa cho thấy ông E chỉ là người thỏa thuận bồi thường cho phía bị hại nhằm khắc phục thiệt hại để bị cáo được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ông E khẳng định, ông hoàn toàn không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xác định ông E chỉ là người làm chứng trong vụ án mới phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** phạm tội “Giao cấu với trẻ em”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115; điểm b và p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q 02 (hai) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, nên không đặt vấn đề xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không có, nên không đặt vấn đề xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Q phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CA huyện Cao Lãnh;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trung Dũng